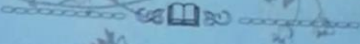


Lưu

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN  
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
PHAN CHU TRINH



BÁO CÁO KẾT QUẢ  
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC

2021-2022



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
NĂM HỌC 2021 – 2022**

Thực hiện Công văn số Công văn số 1376/SGDDĐT-GDTrH&CN-TX ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc hướng dẫn báo cáo tổng kết nhiệm vụ Giáo dục trung học và Giáo dục thường xuyên năm học 2021 – 2022 của Sở Sở Giáo dục và Đào tạo. Trường THPT Phan Chu Trinh báo cáo như sau:

**Phần I**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**I. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP,  
HỌC SINH, CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Quy mô phát triển trường, lớp; học sinh, giáo viên**

- Số lớp/khối, tổng số học sinh toàn trường/nữ, từng khối/nữ, dân tộc

| Khối        | Số lớp    | Học sinh    |             |          |
|-------------|-----------|-------------|-------------|----------|
|             |           | Tổng        | Nữ          | Dân tộc  |
| 10          | 17        | 719         | 397         | 2        |
| 11          | 17        | 716         | 424         | 3        |
| 12          | 17        | 695         | 407         | 0        |
| <b>Cộng</b> | <b>51</b> | <b>2130</b> | <b>1228</b> | <b>5</b> |

- Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên: số lượng, tỉ lệ đạt chuẩn, vượt chuẩn theo Luật giáo dục 2019:

+ Số lượng giáo viên đạt trình độ chuẩn: 117/117 (100%).

+ Số lượng giáo viên vượt chuẩn: 5/117 (4.3%).

+ Tỉ lệ giáo viên trên lớp: 2.29

- Học sinh bỏ học 5/2130 (0.23%), nguyên nhân do học yếu.

## 2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

| Diện tích trường  | Số phòng bộ môn | Số phòng học | Phòng học vì tính |        |
|-------------------|-----------------|--------------|-------------------|--------|
| (m <sup>2</sup> ) | (L.H.S)         |              | Số phòng          | Số máy |
| 26000             | 3               | 37           | 4                 | 64     |

- Phòng Y tế: 1 phòng (nhân viên Y tế hợp đồng từ bệnh viện An Phước).
- Phòng Tư vấn tâm lý: 1 phòng chung với văn phòng Đoàn thanh niên.
- Trang thiết bị dạy học:
- Phòng học thông minh: 1; Phòng học có gắn tivi 65 inch: 19.
- Nhà trường quản lý tốt việc sử dụng cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị dạy học (TBDH); rà soát thực trạng CSVC, TBDH để sửa chữa, bổ sung kịp thời nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình GDPT 2018;

## 3. Chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở

**II. CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRUNG HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC HỌC SINH**

## 1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Thực hiện Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT ngày 24/8/2021 của Bộ Giáo dục Đào tạo về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 ứng phó với dịch COVID-19, tiếp tục thực hiện đổi mới, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo; Quyết định số 2551/QĐ-BGDĐT ngày 04/8/2021 của Bộ Giáo dục Đào tạo về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2021 - 2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Quyết định 2178/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt kế hoạch thời gian năm học 2021 - 2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Công văn 1943/SGDDT-GDTH&CN-TX, ngày 30/8/2021 của Sở Giáo dục Đào tạo về việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2021 - 2022 đối với giáo dục trung học và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1984/SGDDT-GDTH&CN-TX ngày 06/9/2021 về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học và giáo dục thường xuyên năm học 2021 - 2022.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006; Công văn 5842/BGDĐT-VP ngày 01/9/2011 và Công văn 3280/BGDĐT-GDTH ngày 28/8/2020 của Bộ GD&ĐT trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, dạy học cho năm học 2021 - 2022;

- Thực hiện Công văn 2331/SGDDT-GDTH ngày 17/10/2017 (triển khai Công văn 4612/BGDĐT-GDTH ngày 03/10/2017 của Bộ GD&ĐT) về việc hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh từ năm học 2017-2018;

- Chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục của từng môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với thực tế nhà trường. Kế hoạch dạy học của tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên được lãnh đạo nhà trường nhận xét, góp ý, phê duyệt trước khi thực hiện và là căn cứ để kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện. Kế hoạch dạy học được lưu giữ tại trường để triển khai thực hiện và gửi về phòng GDTH để quản lý, kiểm tra (Kế hoạch số 127 /KĐQH-PCT).

2. Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Tăng cường tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học;

- Chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, báo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

Năm học này do dịch covid-19 nên trường không tổ chức được các đợt ngoại khóa cho học sinh ngoài nhà trường.

3. Đổi mới phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Việc thực hiện đánh giá thường xuyên kết quả dạy học, giáo dục của học sinh qua các hình thức: quan sát các hoạt động trên lớp; qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; qua kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật; qua kết quả thực hành, thi nghiệm; qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập được thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ tập trung đối với tất cả các môn. (thông qua việc kiểm tra chung trường điều động các giáo viên còn thiếu tiết coi thay, đảm bảo sự nghiêm túc, khách quan và không phát sinh giờ thừa). Tổ chức kiểm tra cuối học kỳ tập trung ở tất cả các khối lớp theo phòng thi, xếp sổ bảo danh chung cho toàn bộ các lớp trong khối. Tổ chức thi thử nghiệm tác theo kế hoạch của Sở.

## 4. Dạy học trực tuyến

Căn cứ Công văn số 656/SGDDT-GDTH&CN-TX ngày 31/3/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện nhiệm vụ năm học trong bối cảnh phòng, chống dịch bệnh Covid-19;

Căn cứ Công văn số 1800/SGDDT-GDTH&CN-TX ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận về việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học từ năm 2021-2022;

Căn cứ Công văn số 1883/SGDDT-GDTH&CN-TX ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Sở GDĐT Bình Thuận về việc kết hợp các hình thức dạy học ở THCS, THPT và GDTX trong bối cảnh phòng, chống dịch COVID-19;



Căn cứ Công văn số 3279/UBND-KGVXNV ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh ngày học của học sinh cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên, năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Lãnh đạo trường THPT Phan Châu Trinh xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2021-2022 (kế hoạch số 109/KH-THPTCT), dạy và học trên ứng dụng K12online trong suốt thời gian dịch và áp dụng cho các tiết nghỉ mà không bố trí dạy bù trực tiếp được trong suốt năm học.

5. Việc giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau THCS và sau THPT.

- Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của phụ huynh, học sinh để phân luồng theo định hướng ban KHTN, KHXH cho học sinh lớp 12 ngay từ cuối năm học lớp 11. Đảm bảo các em được học theo đúng nguyện vọng.

- Nâng cao nhận thức về giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông;

- Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp;

- Phát triển đối ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, GD hướng nghiệp trong trường trung học;

- Huy động các nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh;

- Tăng cường quản lý GD hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh;

6. Giáo dục chính trị, lối sống, thể chất và thể thao trường học cho học sinh

6.1. Giáo dục chính trị, lối sống

- Thực hiện Kế hoạch 2408/KH-SGDĐT ngày 19/11/2018 triển khai Đề án "Tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với HSSV trên môi trường mạng đến năm 2025" (Quyết định 3296/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2018 của Bộ GD&ĐT).

- Tăng cường thực hiện tích hợp trong các môn học/hoạt động giáo dục nội dung giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật; giáo dục phòng chống tham nhũng; giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội; phòng chống ma túy; chú trọng tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng tranh và gian lận thiên tai; không sử dụng đồ nhện dùng một lần, sử dụng năng lượng tiết kiệm; giáo dục quốc phòng an ninh; giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng chống bạo lực gia đình. Tổ chức hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học... theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

6.2. Giáo dục thể chất và thể thao trường học

- Thực hiện công tác Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất theo các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT.

### III. TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA MỚI

1. Việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa và tổ chức tập huấn cho giáo viên về sách giáo khoa mới.

Việc lựa chọn SGK lớp 10 thực hiện theo công văn số: 613/SGDDT-GDTH&CN-TX ngày 18 tháng 3 năm 2022 Về việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 7 và 10 trong cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT. Hướng dẫn số số 1216/SGDDT-GDTH&CN-TX ngày 24/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận "V/v Hướng dẫn lựa chọn SGK lớp 7, lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2022-2023 và danh mục SGK được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Thuận.

Nhà trường tổ chức tập huấn cho 100% giáo viên về sách giáo khoa mới theo công văn số: 1333/SGDDT-GDTH&CN-TX ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận.

2. Bộ SGK lớp 10 được sử dụng từ năm học 2022 - 2023.

| T | T | Tên sách                                                     | Tên tác giả                                      | Nhà xuất bản      |
|---|---|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------|
| 1 |   | Toán 10<br>(Chân trời sáng tạo)                              | Trần Nam Dũng.<br>(Tổng Chủ biên)                | Giáo dục Việt Nam |
| 2 |   | Vật lí 10<br>(Chân trời sáng tạo)                            | Phạm Nguyễn<br>Thánh Vinh<br>(Chủ biên)          | Giáo dục Việt Nam |
| 3 |   | Hóa học 10<br>(Chân trời sáng tạo)                           | Cao Cự Giác<br>(Chủ biên)                        | Giáo dục Việt Nam |
| 4 |   | Sinh học 10<br>(Chân trời sáng tạo)                          | Tổng Xuân Tâm<br>(Chủ biên)                      | Giáo dục Việt Nam |
| 5 |   | Tin học 10<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)               | Phạm Thế Long<br>(Tổng Chủ biên)                 | Giáo dục Việt Nam |
| 6 |   | Thiết kế và công nghệ 10<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Lê Huy Hoàng<br>(Tổng Chủ biên<br>kiểm Chủ biên) | Giáo dục Việt Nam |
| 7 |   | Công nghệ trồng trọt 10<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)  | Lê Huy Hoàng<br>(Tổng Chủ biên)                  | Giáo dục Việt Nam |
| 8 |   | Ngữ văn 10<br>(Chân trời sáng tạo)                           | Nguyễn Thành Thi<br>(Chủ biên)                   | Giáo dục Việt Nam |
| 9 |   | Lịch sử 10<br>(Chân trời sáng tạo)                           | Hà Minh Hồng<br>(Chủ biên)                       | Giáo dục Việt Nam |

| T  | Tên sách                                                              | Tên tác giả                                               | Nhà xuất bản      |
|----|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------|
| 10 | Dạy lý 10<br>(Chân trời sáng tạo)                                     | Nguyễn Kim Hồng<br>(Tổng Chủ biên)                        | Giáo dục Việt Nam |
| 11 | GDKT&PL 10<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)                        | Trần Thị Mai Phương<br>(Chủ biên)                         | Giáo dục Việt Nam |
| 12 | Global success                                                        | Hoàng Văn Vân<br>(Tổng Chủ biên)                          | Giáo dục Việt Nam |
|    | Giáo dục thể chất 10: Đá cầu<br>(Cánh Diều)                           | Lưu Quang Hiệp<br>(Tổng Chủ biên)                         | Dại học Sư phạm   |
|    | Giáo dục thể chất 10: Cầu lông<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)    | Nguyễn Duy Quyết<br>(Tổng Chủ biên)                       | Giáo dục Việt Nam |
| 13 | Giáo dục thể chất 10: Bóng rổ<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)     | Trịnh Hữu Lộc<br>(Tổng Chủ biên)                          | Giáo dục Việt Nam |
|    | Giáo dục thể chất 10: Bóng đá<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống)     | Nguyễn Duy Quyết<br>(Tổng Chủ biên)                       | Giáo dục Việt Nam |
|    | Giáo dục thể chất 10: Bóng chuyền<br>(Kết nối tri thức với cuộc sống) | Trịnh Hữu Lộc<br>(Tổng Chủ biên)                          | Giáo dục Việt Nam |
| 14 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh 10                                     | Nghiem Viết Hải<br>(Tổng Chủ biên)                        | Giáo dục Việt Nam |
| 15 | Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 10<br>(Chân trời sáng tạo 1)       | Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyền<br>(Đồng Tổng Chủ biên) | Giáo dục Việt Nam |

Các chuyên đề học tập cũng cung tên với sách giáo khoa tương ứng.

3. Chuẩn bị đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đáp ứng CT GDPT 2018

Trường đã tổ chức bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đáp ứng CT GDPT 2018 theo các hướng dẫn của Sở.

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu ở từng môn học để xây dựng kế hoạch sắp xếp đội ngũ giáo viên, đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên thực hiện chương trình GDPT 2018;

- Quản lý tốt việc sử dụng CSVC, TBĐH hiện có, thực hiện rà soát thực trạng CSVC, TBĐH để xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm TBĐH đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình GDPT 2018;

- Tổ chức giám sát và đánh giá kết quả thực hiện bồi dưỡng giáo viên (bồi dưỡng Module) chương trình GDPT 2018.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm học này, dịch covid-19 cũng ảnh hưởng rất lớn đến mọi hoạt động của trường nhưng với sự nỗ lực cao, lãnh đạo nhà trường, các tổ chức đoàn thể, tổ chuyên môn đã ra kế hoạch cụ thể trong cả năm, từng học kì, từng tháng, hàng tuần, từng thời điểm thích hợp bám sát sự hướng dẫn của các phòng chức năng Sở và có triển khai, giám sát, kiểm tra, đánh giá kịp thời đã tạo cho các hoạt động của nhà trường diễn ra chặt chẽ, khoa học, đúng tiến độ, hoàn thành tất cả các chỉ tiêu đề ra, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2021-2022.

Các tổ chức trong trường, nhất là các tổ chức đoàn thể đã phát huy tối vai trò của mình. Hoạt động của các tổ chức, đoàn thể có sự phối hợp tốt, thực hiện có hiệu quả cao chủ trương đổi mới phương pháp quản lí của lãnh đạo nhà trường; phân cấp, phân quyền trong quản lí; coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ, công tác phê bình và tự phê bình. Công tác thực hiện dân chủ cơ sở, phòng chống tham nhũng, minh bạch về tài chính, được thực hiện tốt. Vì thế nội bộ đoàn kết, thống nhất, làm việc nề nếp, kỉ cương.

Các cuộc vận động, các phong trào có Ngành và địa phương tổ chức, trường tham gia đầy đủ, nghiêm túc, đạt được kết quả đáng khích lệ, đồng thời tạo hiệu ứng tích cực trong các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Đạt được kết quả ấy là do trường luôn quan tâm đến công tác quản lý nề nếp, giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức lối sống bằng những chủ trương và giải pháp cụ thể, đặc biệt là chủ trương "Ba xây, ba chống" và chủ trương "Rèn luyện lòng tự trọng"; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên làm việc tận tình.

#### Phần II

#### PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2022-2023

-Thực hiện nhiệm vụ theo các chỉ thị của Bộ GDĐT, các quyết định của UBND tỉnh và sự hướng dẫn chỉ đạo của Sở GDĐT Bình Thuận.

-Tiếp tục thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch theo sự hướng dẫn của các cấp.

-Thực hiện Chương trình GDPT 2018 cho học sinh lớp 10 đúng qui định.

-Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng giáo viên theo chương trình GDPT 2018 theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

-Đề cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Tập trung đổi mới phong cách, nâng cao hiệu quả công tác quản lí theo hướng tăng cường phân cấp quản lí, thực hiện quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, trách nhiệm giải trình của đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ và chức năng giám sát của xã hội, kiểm tra của cấp trên.

-Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kĩ thuật dạy học tích cực; đổi mới nội dung, phương thức đánh giá học sinh phù hợp với các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học của học sinh; tăng cường kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; đa

dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

- Tích cực đổi mới nội dung, phương thức tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học, phân luồng học sinh lớp 12 ngay từ đầu năm học theo định hướng bài thi tự chọn.

- Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục về năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực học sinh; năng lực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; đổi mới sinh hoạt chuyên môn; nâng cao năng lực của giáo viên chủ nhiệm lớp, của tổ chức Đoàn, Hội, Đội, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy, học và nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Xây dựng hệ thống học liệu mở, thư viện điện tử, phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Phấn đấu các chỉ tiêu dạy học và giáo dục đạt và vượt mặt bằng chung của toàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo tổng kết năm học 2021-2022 của Trường THPT Phan Chu Trinh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Phòng GDTrH&CN-TX;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Hồng Giang

**PHỤ LỤC**

(Kèm Công văn số 1376 /GDTrH&CN-TX ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Sở GDĐT)

**1. KẾT QUẢ XẾP LOẠI HỌC LỰC, HẠNH KIỂM**

**1.1. CẤP THCS**

| Khối        | Tổng số HS | HẠNH KIỂM |    |     |    |    |    |     |    | HỌC LỰC |    |     |    |    |    |     |    |     |    |
|-------------|------------|-----------|----|-----|----|----|----|-----|----|---------|----|-----|----|----|----|-----|----|-----|----|
|             |            | Tốt       |    | Khá |    | TB |    | Yếu |    | Giỏi    |    | Khá |    | TB |    | Yếu |    | Kém |    |
|             |            | SL        | TL | SL  | TL | SL | TL | SL  | TL | SL      | TL | SL  | TL | SL | TL | SL  | TL | SL  | TL |
| 7           |            |           |    |     |    |    |    |     |    |         |    |     |    |    |    |     |    |     |    |
| 8           |            |           |    |     |    |    |    |     |    |         |    |     |    |    |    |     |    |     |    |
| 9           |            |           |    |     |    |    |    |     |    |         |    |     |    |    |    |     |    |     |    |
| <b>Tổng</b> |            |           |    |     |    |    |    |     |    |         |    |     |    |    |    |     |    |     |    |

**1.2. CẤP THCS (Lớp 6, CT GDPT 2018. Đánh giá theo Thông tư 22)**

| Khối        | Tổng số HS | HẠNH KIỂM |    |     |    |     |    |          |    | HỌC LỰC |    |     |    |     |    |          |    |
|-------------|------------|-----------|----|-----|----|-----|----|----------|----|---------|----|-----|----|-----|----|----------|----|
|             |            | Tốt       |    | Khá |    | Đạt |    | Chưa đạt |    | Tốt     |    | Khá |    | Đạt |    | Chưa đạt |    |
|             |            | SL        | TL | SL  | TL | SL  | TL | SL       | TL | SL      | TL | SL  | TL | SL  | TL | SL       | TL |
| 6           |            |           |    |     |    |     |    |          |    |         |    |     |    |     |    |          |    |
| <b>Tổng</b> |            |           |    |     |    |     |    |          |    |         |    |     |    |     |    |          |    |

**1.3. CẤP THPT: (không thống kê 2 học sinh khuyết tật lớp 12)**

| Khối        | Tổng số HS  | HẠNH KIỂM   |              |            |             |           |             |          |          | HỌC LỰC    |              |             |              |            |              |          |             |          |          |
|-------------|-------------|-------------|--------------|------------|-------------|-----------|-------------|----------|----------|------------|--------------|-------------|--------------|------------|--------------|----------|-------------|----------|----------|
|             |             | Tốt         |              | Khá        |             | TB        |             | Yếu      |          | Giỏi       |              | Khá         |              | TB         |              | Yếu      |             | Kém      |          |
|             |             | SL          | TL           | SL         | TL          | SL        | TL          | SL       | TL       | SL         | TL           | SL          | TL           | SL         | TL           | SL       | TL          | SL       | TL       |
| 10          | 712         | 619         | 86.94        | 90         | 12.64       | 3         | 0.42        | 0        | 0        | 67         | 9.41         | 497         | 69.80        | 146        | 20.51        | 2        | 0.28        | 0        | 0        |
| 11          | 711         | 614         | 86.36        | 90         | 12.66       | 7         | 0.98        | 0        | 0        | 52         | 7.31         | 557         | 78.34        | 101        | 14.21        | 1        | 0.14        | 0        | 0        |
| 12          | 690         | 679         | 98.41        | 11         | 1.59        | 0         | 0           | 0        | 0        | 134        | 19.42        | 517         | 74.93        | 39         | 5.65         | 0        | 0           | 0        | 0        |
| <b>Tổng</b> | <b>2113</b> | <b>1912</b> | <b>90.49</b> | <b>191</b> | <b>9.04</b> | <b>10</b> | <b>0.47</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>253</b> | <b>11.79</b> | <b>1571</b> | <b>74.35</b> | <b>286</b> | <b>13.54</b> | <b>3</b> | <b>0.14</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |



## 2. TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA (TÍNH ĐẾN THÁNG 5/2022)

### 2.1. THCS

| Phòng<br>GDĐT | Tổng số trường THCS<br>(*) | Số trường đã đạt chuẩn quốc gia |         | Tỉ lệ (%) |
|---------------|----------------------------|---------------------------------|---------|-----------|
|               |                            | Công nhận mới                   | Duy trì |           |
|               |                            |                                 |         |           |

(\*): tính cả số trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó cao nhất là cấp THCS

### 2.2. THPT

| Trường<br>THPT    | Quyết định của UBND tỉnh |                |               |         |
|-------------------|--------------------------|----------------|---------------|---------|
|                   | Số QĐ                    | Ngày/tháng/năm | Công nhận mới | Duy trì |
| Phan Chu<br>Trình | 2167/QĐ-UBND             | 23/8/2018      |               |         |

## 3. TUYỂN SINH, TỐT NGHIỆP

### 3.1. THCS

| Phòng<br>GDĐT | Tổng số học sinh xét TN THCS | Số học sinh<br>TN | Tỷ lệ % | Tỉ lệ TN năm học 2020-2021 |
|---------------|------------------------------|-------------------|---------|----------------------------|
|               |                              |                   |         |                            |

### 3.2. THPT

| Trường<br>THPT | Tổng số học sinh đăng ký dự thi<br>tuyển sinh vào lớp 10 | Số học sinh trúng tuyển vào lớp 10 |               | Tỷ lệ %<br>Nguyễn<br>vọng 2 | Điểm chuẩn       |                  |
|----------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|-----------------------------|------------------|------------------|
|                |                                                          | Nguyễn vọng 1                      | Nguyễn vọng 2 |                             | Nguyễn<br>vọng 1 | Nguyễn<br>vọng 2 |
|                | 1126                                                     | 649                                | 70            | 9.73                        | 28.75            | 29.5             |



## 4. PHỔ CẤP GIÁO DỤC THCS (TÍNH ĐẾN THÁNG 5/2022)

| Huyện | Đạt chuẩn |          |          | Ghi chú |
|-------|-----------|----------|----------|---------|
|       | Mức độ 1  | Mức độ 2 | Mức độ 3 |         |
|       |           |          |          |         |

| Tổng số xã | Số xã đạt chuẩn |          |          | Ghi chú |
|------------|-----------------|----------|----------|---------|
|            | Mức độ 1        | Mức độ 2 | Mức độ 3 |         |
|            |                 |          |          |         |

## 5. HỌC SINH BỎ HỌC

## 5.1. THCS

| Phòng GDĐT | Tổng số học sinh bỏ học | Tỷ lệ % | Tỷ lệ % năm học trước | Ghi chú (Tăng hay giảm) |
|------------|-------------------------|---------|-----------------------|-------------------------|
| 6          |                         |         |                       |                         |
| 7          |                         |         |                       |                         |
| 8          |                         |         |                       |                         |
| 9          |                         |         |                       |                         |
| Tổng       |                         |         |                       |                         |

## 5.2. THPT

| Trường THPT | Tổng số học sinh bỏ học | Tỷ lệ % | Tỷ lệ % năm học trước | Ghi chú (Tăng hay giảm) |
|-------------|-------------------------|---------|-----------------------|-------------------------|
| 10          | 2/719                   | 0.28    | 0.41                  | Giảm 0.13%              |
| 11          | 2/716                   | 0.28    | 0.70                  | Giảm 0.42%              |
| 12          | 13/85                   | 0.14    | 0.58                  | Giảm 0.44%              |
| Tổng        | 5/2130                  | 0.23    | 0.57                  | Giảm 0.34%              |

## 8. TRƯỜNG HỌC AN TOÀN (Năm học 2020 - 2021)

### 8.1. THCS

| Phòng<br>GDĐT | Tổng số trường THCS (*) được công nhận<br>trường học an toàn | Tỷ lệ % | So với năm học trước (liên kế) |
|---------------|--------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------|
|               |                                                              |         |                                |

(\*): tính cả số trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó cao nhất là cấp THCS

### 8.2. THPT

| Trường<br>THPT | Quyết định của UBND huyện, thị xã, thành phố |                |
|----------------|----------------------------------------------|----------------|
|                | Số QĐ                                        | Ngày/tháng/năm |
|                |                                              |                |